

**KẾT QUẢ THỐNG KÊ CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CỦA CBVC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**  
**Năm học 2009 - 2010**  
**Đơn vị: KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG**

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế		
1	Nguyễn Thế Nhã	PGS,GVC	6				1	1				1						1	1		350	
2	Đỗ Thị Kha	GVC	1			1		1										1			185	
3	Trần Tuấn Kha	GV			1		1											1			95	
4	Đỗ Quang Huy	GVC	1					1													145	
5	Nguyễn Đắc Mạnh	GV	1							2								1			75	
6	Lưu Quang Vinh	GV	4							3								1		1	220	
7	Đông Thanh Hải	GV								1										1	55	
8	Đình Quốc Cường	GVC	4	2		1												1			315	
9	Vũ Huy Định	GV	2	1			1											1			130	
10	Lê Thị Thu Hường	GV		2			1											1			110	
11	Nguyễn Kim Cai	GV		2																	80	
12	Trần Thị Thanh Thủy	GV																2			30	
13	Trần Thị Hương	GV	3						1			1						1			140	
14	Ngô Duy Bách	GV	6		1		1		1									1			275	
15	Kiều Thị Dương	GV							1												40	Đi học không TT
16	Bùi Văn Năng	GV	5						1												165	Đi học TT
17	Bê Minh Châu	GVC	4			1			1									1			250	
18	Trần Ngọc Hải	GV	3								2							1	1		265	Đi học không TT
19	Phạm Thanh Hà	GV	2					1				2						1			185	Đi học không TT
20	Phạm Thành Trang	GV	4		1				1			1									205	
21	Phùng Thị Tuyên	GV	3						1			2									145	Đi học không TT
22	Vương Duy Hưng	GV							1			2									55	
23	Hoàng Văn Sâm	GV	3		1													1	1		175	
24	Phan Đức Lê	KSHDTH					1											1			45	
25	Phan Văn Dũng	KSHDTH										2									40	
26	Nguyễn Hữu Cường	KSHDTH							1			2									55	
27	Phan Văn Dũng	KSHDTH							1												15	
28	Vũ Thị Huyền	KSHDTH							1												15	
29	Bùi Mai Hương	KSHDTH		1					1									1			70	
30	Bùi Đình Đức	KSHDTH							1												15	Đi học không TT
31	Nguyễn Thị Tú Anh	KSHDTH		1			1														55	
32	Nguyễn Thị Tuyết Mai	KSHDTH	2															1			75	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>54</b>	<b>9</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>20</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>18</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>4,075</b>	

**Ghi chú**

- Các số trong bảng là số lần tham gia hoạt động khoa học nghiên cứu khoa học; bài báo trên thông tin khoa học của Trường (cấp Trường), tạp chí trong nước, tạp chí nước ngoài.
- Chủ trì đề tài, Thư ký, Chủ trì đề tài nhánh đối với đề tài cấp Nhà nước; Chủ trì đề tài cấp Bộ, cấp Cơ sở, cấp Trường được tính theo từng đối tượng (GS, GVCC: 130 giờ; PGS, GVC: 100 giờ; GV: 70 giờ; GVGDQP: 90 giờ; GVGDTC: 70 giờ; KS, KS HDTH: 50 giờ; Trợ giảng: 50 giờ; Thử việc: 30 giờ.).
- Về chế độ miễn giảm:
  - Giảng viên kiêm giảng được giảm 50% số giờ hoạt động khoa học theo định mức.
  - Cán bộ được cử đi học dài hạn hay đi học tập trung (1 năm trở lên, có quyết định của Hiệu trưởng) được miễn 100% số giờ hoạt động khoa học; cán bộ là nghiên cứu sinh, học viên cao học không tập trung và cán bộ tham gia các lớp học ngắn hạn (từ 6 tháng đến 1 năm, có quyết định của Hiệu trưởng trường ĐHLN) được giảm 50% số giờ hoạt động khoa học.
  - Cán bộ nghỉ thai sản và có con nhỏ dưới 24 tháng được miễn giảm 20 giờ KHCN.